TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 10/2018/HS-ST
Ngày 26-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Yến Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Bún

Ông Bùi Đức Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2018/TLST-HS ngày 16 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D (tên thường gọi: D1), sinh năm 1993, tại xã VT, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã VT, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn V, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: ấp C, xã VT, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1967, địa chỉ cư trú: ấp C, xã VT, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An; Bị cáo có 01 con nhỏ sinh ngày 24/5/2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không có nội dung gì về nhân thân cần thiết phải ghi nhận. Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1.Ông Trịnh Văn Ph, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: K, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (*có mặt).*

2.Ông Trần Văn T, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã TB, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (*có mặt*).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971. Địa chỉ cư trú: K, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. Bà Đ ủy quyền cho ông Trịnh Văn Ph tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 24/9/2018.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1.Ông Nguyễn Trung B, sinh năm 1982 *(có mặt);*

2.Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1984 *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

3.Bà Phạm Thị Tố H, sinh năm 1970 *(vắng mặt);*

4.Bà Lê Thị Thu Th, sinh năm 1979 *(vắng mặt)*.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

5.Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1964 *(vắng mặt);*

Địa chỉ cư trú: K, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An.

6.Bà Võ Thị Ph, sinh năm 1977 *(vắng mặt);*

Địa chỉ cư trú: Ấp Ô, xã B, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 08/10/2017 đến ngày 16/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị D đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 09 giờ ngày 08/10/2017, Nguyễn Thị D hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-đỏ biển số 62D1-054.28 của anh Trịnh Văn Ph, sinh năm 1971 là chủ nhà trọ Ph Th thuộc khu phố X, thị trấn Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An. D nói với anh Ph là mượn xe để đi mua cơm cho Nguyễn Trung B, sinh năm 1982, cư trú tại ấp C, xã V, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An là người cùng thuê phòng trọ và sống chung như vợ chồng với D tại nhà trọ của anh Ph hiện đang mua dưa ở xã B, thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. Sau khi mượn được xe, D điều khiển xe sang Campuchia cầm được 7.000.000đ rồi sử dụng tiêu xài hết. Đến ngày 19/10/2017, anh Ph đã gửi đơn đến cơ quan chức năng để trình báo sự việc.

Lần thứ hai: Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/01/2018, anh Trần Văn T, sinh năm 1971, cư trú tại ấp B, xã TB, huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An ghé quán cà phê của chị Phạm Thị Tố H thuộc ấp R, thị trấn Vĩnh Hưng uống nước. Khi đến quán, anh T thấy D đang nói chuyện với chị H là chủ quán nên nghĩ D

là nhân viên phục vụ của quán. Khoảng 15 phút sau, D đến hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveS, màu đỏ-đen-bạc, biển số 62D1-017.35 để đi mua cơm hộp về ăn. Anh T đưa chìa khóa xe cho D mượn. Có được xe, D điều khiển xe đến ngã ba LK mua cơm rồi chạy xe sang Campuchia cầm được 7.000.000đ rồi tiêu xài cá nhân hết. Anh T đợi mãi không thấy D trả xe nên gửi đơn đến cơ quan chức năng và tự bỏ tiền chuộc xe về với số tiền chuộc là 7.000.000đ.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Hưng đã xác định: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-đỏ biển số 62D1-054.28 của anh Trịnh Văn Ph là 11.880.000đ; Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveS, màu đỏ-đen-bạc, biển số 62D1-017.35 của anh Trần Văn T là 6.300.000đ.

Sau đó cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng đã có quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can và tiến hành điều tra làm rõ hành vi phạm tội của Nguyễn Thị D.

Tại Cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 15/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Thị D về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ quan điểm như Cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị D. Đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị áp dụng tình tiết: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho cho người bị hại; người phạm tội là phụ nữ có thai; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 50, điểm b, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09 (chín) đến 01 (một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Quá trình điều tra không có căn cứ xác định Nguyễn Trung B có liên quan đến vụ án nên không có cơ sở xem xét trách nhiệm hình sự đối với B.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị D 01 túi xách màu đen; Tịch thu sung công quỹ nhà nước 700.000đ là số tiền do phạm tội mà có (túi xách và tiền hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý);

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho ông Trịnh Văn Ph số tiền 11.880.000đ; tự nguyện bồi thường cho ông Trần Văn T 3.000.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường tiếp cho ông Trần Văn T 4.000.000đ (trong đó chuyển 3.400.000đ từ số tiền của bị cáo đang bị tạm giữ và bị cáo nộp tiếp 600.000đ). Ý kiến của bị cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên đề

nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Ngoài ra, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, về trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng và của các cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, tuy lúc đầu bị cáo Nguyễn Thị D không đồng ý một số nội dung đã khai nhận trước đây về hành vi phạm tội của bị cáo như đã khai trước Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Hưng, nhưng sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng trình bày quan điểm luận tội bị cáo thì bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng với nội dung bản Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng đã truy tố bị cáo, đồng thời phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 08/10/2017 và ngày 16/01/2018, bị cáo Nguyễn Thị D đã 02 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác. Tài sản mà bị cáo lừa đảo để chiếm đoạt là 02 chiếc xe mô tô có tổng giá trị là 18.180.000 đồng (gồm chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius màu đen-đỏ biển số 62D1-054.28 của anh Nguyễn Văn Ph có giá trị 11.880.000 đồng và chiếc chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại WaveS, màu đỏ-đen-bạc, biển số 62D1-017.35 của anh Trần Văn T có giá trị là 6.300.000 đồng). Bị cáo là người đã thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự, giá trị của mỗi chiếc xe bị cáo chiếm đoạt đều trên 2.000.000 đồng. Như vậy cả hai lần thực hiện hành vi chiếm đoạt xe của bị cáo đều đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do đó, bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, không ai được quyền xâm phạm trái pháp luật nhưng bị cáo Nguyễn Thị D đã xâm phạm một cách bất hợp pháp đến tài sản của người khác nên bị cáo phải gánh chịu hậu quả cho hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã gây ra.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống sinh hoạt bình thường của người bị hại trong một thời gian nhất định do không có phương tiện để đi lại và gây tư tưởng hoang mang cho nhân dân ở địa phương, ảnh hưởng an ninh trật tự xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý và phạm tội nhiều lần. Do vậy cần phải tuyên cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc

tương xứng với mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, để có cơ sở tuyên một mức hình phạt thỏa đáng, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra cần phân tích đánh giá về nguyên nhân, động cơ, mục đích phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét các đặc điểm về nhân thân của bị cáo.

[4.1] Về nguyên nhân, động cơ dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo xuất phát từ việc bị cáo lười lao động, muốn có tiền để tiêu xài nhưng không phải bỏ công sức lao động. Để có được tiền, bị cáo dùng mọi thủ đoạn để chiếm đoạt tài sản của người khác, bất chấp hậu quả.

[4.2] Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của bộ luật hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho cho người bị hại; trong lúc thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đang có thai; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngoài ra, bị cáo đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Sau khi cân nhắc, xem xét toàn diện các tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo việc xét xử đúng pháp luật và để phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đối với anh Nguyễn Trung B, bị cáo cho rằng anh B có liên quan đến vụ án nhưng quá trình điều tra và tại phiên tòa không có chứng cứ chứng minh lời trình bày của bị cáo là có cơ sở nên các cơ quan tiến hành tố tụng không xem xét trách nhiệm hình sự đối với anh Nguyện Trung B là phù hợp.

[6] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan chức năng đã thu giữ của bị cáo 01 túi xách màu đen và 4.100.000 đồng. Đối với túi xách không liên quan đến vụ án và bị cáo có yêu cầu được nhận lại; đối với số tiền 4.100.000 đồng, bị cáo khai nhận trong đó có 700.000 đồng là tiền bị cáo cầm xe của ông T còn lại và 3.400.000 đồng là tiền của bị cáo; Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, cần giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị D 01 túi xách màu đen; tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 700.000 đồng do phạm tội mà có và trả lại cho bị cáo 3.400.000 đồng là phù hợp (túi xách và tiền hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý);

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho ông Trịnh Văn Ph số tiền 11.880.000 đồng xong và ông Ph cũng không có yêu cầu gì thêm nên không xem xét. Đối với ông Trần Văn T, bị cáo đã bồi thường cho ông T được 3.000.000 đồng và đồng ý bồi thường tiếp cho ông T 4.000.000 đồng, đồng ý sử dụng số tiền của bị cáo đang bị cơ quan chức năng tạm giữ để bồi thường cho ông T 3.400.000 đồng và bị cáo bồi thường thêm 600.000 đồng, ông T cũng đồng ý và không có yêu cầu gì thêm. Căn cứ quy định tại Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo và sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; Điều 38, Điều 50, điểm b, n khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự, tuyên xử:

Giao trả cho bị cáo Nguyễn Thị D 01 túi xách màu đen và 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng); Tịch thu sung công quỹ nhà nước 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng), túi xách và tiền hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng đang quản lý theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 17/8/2018 và biên lai thu tiền số 04008 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng;

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại Điều 584, 585 và 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện bồi thường thiệt hại của bị cáo đối với ông Trần Văn T. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường tiếp cho ông Trần Văn T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), trong đó bị cáo đồng ý chuyển 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) từ số tiền của bị cáo đang bị tạm giữ theo biên lai thu tiền số 04008 ngày 17/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng sang tiền bồi thường và bị cáo nộp tiếp 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng).

Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Báo cho bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Yến Linh

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- VKSND, CCTHADS huyện Vĩnh Hưng;
- Công an huyện Vĩnh Hưng;
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ;
- Lưu.